

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Báo cáo tài chính

Quý 3 năm 2017



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2017 VND	1/7/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.650.441.642.292	1.550.642.195.983
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	74.020.643.150	85.345.922.876
Tiền	111		74.020.643.150	85.345.922.876
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.771.312.461	24.771.312.461
Chứng khoán kinh doanh	121	9	24.771.312.461	24.771.312.461
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		780.632.736.894	772.588.308.175
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	668.069.245.243	652.590.119.373
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.856.967.261	16.239.250.922
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	93.856.413.095	105.908.826.585
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.149.888.705)	(2.149.888.705)
Hàng tồn kho	140	12	749.675.765.433	654.269.595.641
Hàng tồn kho	141		749.675.765.433	654.269.595.641
Tài sản ngắn hạn khác	150		21.341.184.354	13.667.056.830
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.910.508.773	13.645.805.923
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		430.675.581	21.250.907
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		136.801.735.118	132.581.815.476
Tài sản cố định	220		92.959.083.537	57.623.832.434
Tài sản cố định hữu hình	221	13	64.186.471.657	28.851.220.554
Nguyên giá	222		163.779.331.310	125.621.936.244
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(99.592.859.653)	(96.770.715.690)
Tài sản cố định vô hình	227	14	28.772.611.880	28.772.611.880
Nguyên giá	228		31.479.045.080	31.479.045.080
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.706.433.200)	(2.706.433.200)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.551.912.085	32.353.496.037
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	3.551.912.085	32.353.496.037
Tài sản dài hạn khác	260		40.290.739.496	42.604.487.005
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	40.290.739.496	42.604.487.005
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.787.243.377.410	1.683.224.011.459

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2017 VND	1/7/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.545.703.119.621	1.451.655.125.981
Nợ ngắn hạn	310		1.544.157.901.015	1.450.109.907.375
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	494.619.126.318	573.076.945.993
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.801.831.972	41.555.619.704
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	313	18	1.928.003.439	1.266.897.526
Phải trả người lao động	314		19.742.157.932	15.771.447.857
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.048.937.309	7.048.937.309
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	81.723.311.973	99.074.368.529
Vay ngắn hạn	320	20	896.920.054.180	711.941.212.565
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		374.477.892	374.477.892
Nợ dài hạn	330		1.545.218.606	1.545.218.606
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.545.218.606	1.545.218.606
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		241.540.257.789	231.568.885.478
Vốn chủ sở hữu	410	21	241.540.257.789	231.568.885.478
Vốn cổ phần	411	22	209.790.000.000	209.790.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		209.790.000.000	209.790.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.444.991.780	2.444.991.780
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.305.266.009	19.333.893.698
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.832.939.002	2.444.991.781
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		24.472.327.007	16.888.901.917
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.787.243.377.410	1.683.224.011.459

Ngày 18 tháng 10 năm 2017

Người lập:


Ninh Thị Thu Hiền
Phó Phòng tài chính kế toán

Người duyệt:


Đặng Thị Dư
Trưởng Phòng tài chính kế toán




Nguyễn Doãn Liêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Quý 3 năm 2017

Mẫu B 02a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 1/7/2017 đến ngày 30/9/2017 VND	Từ ngày 1/7/2016 đến ngày 30/9/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	595.032.349.772	525.904.952.634
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	3.914.606	5.041.549.866
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		595.028.435.166	520.863.402.768
Giá vốn hàng bán	11		516.166.569.697	452.815.072.319
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		78.861.865.469	68.048.330.449
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	2.705.737.181	1.780.646.525
Chi phí tài chính	22	26	15.357.273.282	7.857.675.138
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.769.476.616	6.974.140.636
Chi phí bán hàng	25	27	43.817.865.356	48.184.381.413
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	12.512.757.412	6.300.512.035
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		9.879.706.600	7.486.408.388
Thu nhập khác	31		-	49.530.523
Chi phí khác	32		400.425.238	192.127.479
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(400.425.238)	(142.596.956)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		9.479.281.362	7.343.811.432
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.895.856.272	1.468.762.286
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		7.583.425.090	5.875.049.146
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		361	280

Ngày 18 tháng 10 năm 2017

Người lập:


Ninh Thị Thu Hiền
Phó Phòng tài chính kế toán

Người duyệt:


Đặng Thị Dư
Trưởng Phòng tài chính kế toán


Nguyễn Doãn Liêm
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 1/7/2017 đến ngày 30/9/2017 VND	Từ ngày 1/7/2016 đến ngày 30/9/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		9.479.281.362	7.343.811.432
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		2.822.143.963	5.038.766.504
Các khoản dự phòng	03			-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(53.072.343)	(65.555.411)
Chi phí lãi vay	06		9.769.476.616	6.974.140.636
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		22.017.829.598	19.291.163.161
Biến động các khoản phải thu	09		(6.780.183.776)	(47.004.922.292)
Biến động hàng tồn kho	10		(95.406.169.792)	(24.214.833.620)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(97.310.447.944)	90.248.773.188
Biến động chi phí trả trước	12		2.313.747.509	2.178.855.660
			(197.183.054.003)	21.207.872.936
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.769.476.616)	(6.974.140.636)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.958.281.549)	(4.275.869.924)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(418.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(186.892.982.570)	28.830.425.537
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(9.355.811.114)	9.000.000
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22			-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27		53.072.343	65.555.411
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.302.738.771)	74.555.411

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho ngày 30 tháng 9 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 1/7/2017 đến ngày 30/9/2017 VND	Từ ngày 1/7/2016 đến ngày 30/9/2016 VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	718.981.813.700	504.075.661.464
Tiền trả nợ gốc vay	34	(534.002.972.085)	(545.956.464.794)
Tiền trả cổ tức	36	(108.400.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	184.870.441.615	(41.880.803.330)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(11.325.279.726)	(12.975.822.382)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	85.345.922.876	55.782.080.252
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8	42.806.257.870

Ngày 18 tháng 10 năm 2017

Người lập:

Ninh Thị Thu Hiền
Phó Phòng tài chính kế toán

Người duyệt:

Đặng Thị Dư
Trưởng Phòng tài chính kế toánNguyễn Doãn Liêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Dược phẩm cấp I thuộc Tổng Liên hiệp các xí nghiệp Dược Việt Nam nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Thực hiện theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã chuyển đổi sang mô hình cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100108536 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 bao gồm Văn phòng Công ty, 2 cơ sở bán buôn và 6 chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Công ty:

Tên	Thông tin chính
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Cơ sở bán buôn số 1	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Đăng ký địa điểm kinh doanh số 00005 ngày 27 tháng 1 năm 2016 với tư cách là một địa điểm kinh doanh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Cơ sở bán buôn số 5	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Đăng ký địa điểm kinh doanh số 00003 ngày 27 tháng 1 năm 2016 với tư cách là một địa điểm kinh doanh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-008 ngày 28 tháng 11 năm 1998 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tên	Thông tin chính
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Bắc Giang	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-012 ngày 28 tháng 06 năm 2002 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-013 ngày 25 tháng 8 năm 2010 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Đà Nẵng	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-014 ngày 24 tháng 8 năm 2010 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Gia Lai	Đăng ký tại Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Gia Lai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-015 ngày 8 tháng 2 năm 2010 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Nghệ An	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-016 ngày 5 tháng 4 năm 2010 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty có 369 nhân viên (1/7/2017: 376 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến và các điều chỉnh do xác định lại giá trị tài sản khi cổ phần hóa Công ty được Nhà nước phê duyệt. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	20 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 6 năm
▪ phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	5 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất và quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất lâu dài nên không thực hiện phân bổ.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Công ty và được phân bổ không quá 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu).

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước được thanh toán một lần và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 33 đến 45 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh và tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**6. Các khoản mục bất thường**

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2017 VND	1/7/2017 VND
Tiền mặt	5,428,189,529	4.434.456.568
Tiền gửi ngân hàng	68,592,453,621	80.911.466.308
	74.020.643.150	85.345.922.876

9. Chứng khoán kinh doanh

	Số lượng cổ phiếu	30/9/2017 và 1/7/2017 Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	2.000.000	20.443.659.675	(*)	-
Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar	50.820	2.384.307.722	(*)	-
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	75.000	971.029.662	(*)	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm	16.000	300.659.375	(*)	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Vidipha	18.000	472.871.724	(*)	-
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	18.000	197.784.303	(*)	-
Công ty TNHH Sanofi-Aventis Việt Nam	10	1.000.000	(*)	-
		24.771.312.461	(*)	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản chứng khoán kinh doanh này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh này có thể khác với giá gốc

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/9/2017 VND	1/7/2017 VND
Công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	17.295.835.304	20.616.380.012
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương Codupha	1.482.683.439	1.638.937.630
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	170.100.000	170.100.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 – Pharbaco	236.250.000	708.598.800
Bên thứ ba		
Bệnh viện Bạch Mai	46.667.443.650	28.605.323.606
Bệnh viện K	12.723.747.553	28.280.752.570
Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	13.596.517.865	19.998.697.444
Công Ty TNHH Thương mại Dược phẩm Duy Anh	15.213.543.351	15.213.543.351
Bệnh viện Tim Hà Nội	16.568.700.602	14.062.293.254
Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng	12.302.621.344	13.908.013.693
Công Ty TNHH Dược phẩm Rồng Vàng	13.686.706.882	13.617.208.882
Bệnh viện Chợ Rẫy	16.158.853.172	10.814.879.352
Bệnh viện Nhi Trung Ương	16.628.288.238	10.791.970.010
Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hòa Bình	4.655.170.380	10.766.973.362
Các khách hàng khác	370.682.783.463	463.396.447.407
	668.069.245.243	652.590.119.373

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/9/2017 VND	1/7/2017 VND
Phải thu hàng nhập khẩu ủy thác	86,872,284,040	97,096,175,848
Thuế nhập khẩu ủy thác chi hộ	4,538,186,799	5.018.303.560
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	635.928.999	635.928.999
Tạm ứng	883,257,732	2.361.136.076
Phải thu ngắn hạn khác	926.755.525	797.282.102
	93.856.413.095	105.908.826.585

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/9/2017		1/7/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	4,709,206,824	-	53.064.234.289	-
Hàng hóa	744,966,558,609	-	601.205.361.352	-
	749.675.765.433	-	654.269.595.641	-

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 hàng tồn kho được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	87.899.469.028	18.942.136.880	16.766.751.091	2.013.579.245	125.621.936.244
Tăng trong kỳ	33.409.023.523	4.748.371.543	-	-	38.157.395.066
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	121.308.492.551	23.690.508.423	16.766.751.091	2.013.579.245	163.779.331.310
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	64.645.522.227	17.177.728.905	13.810.383.545	1.137.081.013	96.770.715.690
Khấu hao trong kỳ	2.237.794.504	309.369.447	213.257.432	61.722.580	2.822.143.963
Thanh lý	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	66.883.316.731	17.487.098.352	14.023.640.977	1.198.803.593	99.592.859.653
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	23.253.946.801	1.764.407.975	2.956.367.546	876.498.232	28.851.220.554
Số dư cuối kỳ	54.425.175.820	6.203.410.071	2.743.110.114	814.775.652	64.186.471.657

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 Công ty ghi tăng tài sản là Nhà văn phòng 87 Nguyễn Văn Trỗi trị giá 33.409 triệu VND và ghi tang MMTB sử dụng cho Nhà văn phòng 87 Nguyễn Văn Trỗi có trị giá 4.748 triệu VND

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 8.949 triệu VND (1/7/2017: 12.019 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	28.777.831.880	2.701.213.200	31.479.045.080
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	5.220.000	2.701.213.200	2.706.433.200
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	28.772.611.880	-	28.772.611.880

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.701 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 (1/7/2017: 2.701 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Từ ngày 1/7/2017 đến ngày 30/9/2017 VND	Từ ngày 1/7/2016 đến ngày 30/9/2016 VND
Số dư đầu kỳ	32.353.496.037	12.772.563.384
Tăng trong kỳ	9.355.811.114	(9.000.000)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	38.157.395.066	-
Số dư cuối kỳ	3.551.912.085	12.763.563.384

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/9/2017 VND	1/7/2017 VND
Tòa nhà văn phòng của Công ty	3.551.912.085	32.353.496.037

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Lợi thế kinh doanh VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	9.026.868.312	32.470.772.235	1.106.846.462	42.604.487.005
Tăng trong kỳ				
Phân bổ trong kỳ	1.504.478.052	255.846.226	553.423.231	2.313.747.509
Số dư cuối kỳ	7.522.390.260	32.214.926.009	1.660.269.693	41.427.585.962

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/9/2017 VND	1/7/2017 VND
Công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	5.001.571.883	6.217.351.206
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	17.452.762	53.055.030
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 – Pharbaco		288.962.722
Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar	15.779.191	6.528.375
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC		5.913.600
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha		-
Bên thứ ba		
Octapharma AG		103.631.704.757
Hyphens Pharma Pte. Ltd	112.961.690.536	80.792.692.329
Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	45.501.260.592	42.840.066.488
Ever Neuro Pharma GMBH	29.311.620.540	39.361.450.513
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị Y tế LIFE	15.417.574.144	17.059.532.812
Growena Impex Company	31.243.987.726	15.551.849.807
Polpharma S.A. Pharmaceutical Works	24.552.711.682	14.500.411.996
Egis Pharmaceuticals PLC	979.102.560	13.636.685.987
APC Pharmaceuticals and Chemical Limited	12.290.554.244	12.290.554.244
Các nhà cung cấp khác	217.325.820.458	226.840.186.127
	494.619.126.318	573.076.945.993

Khoản phải trả thương mại đối với công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/7/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ VND	30/9/2017 VND
Thuế				
Thuế giá trị gia tăng	38.626.986	21.717.854.152	21.339.656.883	416.824.255
Thuế thu nhập doanh nghiệp	403.610.661	2.554.137.821	1.958.281.549	999.466.933
Thuế thu nhập cá nhân	201.599.989	299.291.244	201.599.989	299.291.244
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	623.022.718		438.193.841	184.828.877
Các khoản phải nộp khác				
Phí, lệ phí	37.172	533.500.457	505.945.499	27.592.130
	1.266.897.526	26.214.275.040	25.553.169.127	1.928.003.439

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/9/2017 VND	1/7/2017 VND
Kinh phí công đoàn	67.751.300	149.559.320
Phải trả hàng ủy thác	39.699.593.118	79.181.141.856
Phải trả hàng vay mượn	8.339.475.857	6.054.044.420
Cổ tức phải trả	18.964.800	127.364.800
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	33.597.526.898	13.562.258.133
	81.723.311.973	99.074.368.529

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Vay ngắn hạn

	1/7/2017	Biến động trong kỳ		30/9/2017
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	711,941,212,565	718,981,813,700	534,002,972,085	896,920,054,180

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/9/2017 VND	1/7/2017 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	VND	5% - 5,2%	288.783.046.07	227.105.176.90
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (ii)	VND	5% - 5,2%	210.984.143.81	205.781.084.56
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	VND	4,9% - 5,1%	10.330.584.83	30.252.728.58
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (iv)	VND	5,5% - 5,6%	23.229.401.00	14.780.049.13
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (i)	VND	4,9% - 5,1%	151.166.135.97	144.121.323.97
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (iv)	VND	4,9% - 5,1%	59.888.115.31	38.944.339.53
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (iv)	USD	1,8%	17.783.667.70	14.534.763.88
NH TMCP Xuất nhập khẩu - CN Thủ Đức (Eximbank, vay VND) (iv)	VND	5,0%	99.835.213.46	
Vay cá nhân (iv)	VND	6,6%	34.919.746.00	36.421.746.00
			896.920.054.18	711.941.212.56

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất tại số 356A đường Giải Phóng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội (Thuyết minh 13).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho (Thuyết minh 12).
- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất tại lô 20 đường số 7, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh 13).
- (iv) Các khoản vay này không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2016	209.790.000.000	15.079.729.852	15.363.952.143	240.233.681.995
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	5.875.049.146	5.875.049.146
Giảm trong kỳ		(15.079.729.852)		(15.079.729.852)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2016	209.790.000.000	-	21.239.001.289	231.029.001.289
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	209.790.000.000	2.444.991.780	19.333.893.698	231.568.885.478
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	7.583.426.090	7.583.426.090
Tăng lợi nhuận chưa phân phối năm trước	-		2.387.947.221	2.387.947.221
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2017	209.790.000.000	2.444.991.780	29.305.266.009	241.540.257.789

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/9/2017		1/7/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành và số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	30/9/2017	1/7/2017
	VND	VND
Hàng hóa nhập khẩu ủy thác giữ hộ bên thứ ba	75,766,604,791	85.980.607.608

(b) Ngoại tệ các loại

	30/9/2017		1/7/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	462.431	10.497.196.972	421.337	9.564.357.618
EUR	6.782	161.732.396	6.782	161.732.395
		10.658.929.368		9.726.090.013

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc
Quý 3 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ ngày 1/7/2017 đến ngày 30/9/2017 VND	Từ ngày 1/7/2016 đến ngày 30/9/2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	589.557.460.817	508.311.888.351
▪ Cung cấp dịch vụ	5.474.888.955	17.498.766.614
	595.032.349.772	525.810.654.965
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(3.914.606)	(5.041.549.866)
	595.028.435.166	520.769.105.099

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 1/7/2017 đến ngày 30/9/2017 VND	Từ ngày 1/7/2016 đến ngày 30/9/2016 VND
Lãi tiền gửi	37.072.343	36.389.573
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.000.000	134.700.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.057.944.184	1.171.544.367
Lãi bán hàng trả chậm	594.720.654	438.012.585
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
	2.705.737.181	1.780.646.525

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí tài chính

	Từ ngày 1/7/2017 đến ngày 30/9/2017 VND	Từ ngày 1/7/2016 đến ngày 30/9/2016 VND
Chi phí lãi vay	9.769.476.616	6.974.140.636
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.318.642.970	883.534.502
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Chiết khấu thanh toán		
Chi phí tài chính khác	269.153.696	
	15.357.273.282	7.857.675.138

27. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 1/7/2017 đến ngày 30/9/2017 VND	Từ ngày 1/7/2016 đến ngày 30/9/2016 VND
Chi phí nhân viên	15.815.989.185	14.423.445.300
Chi phí vật liệu, bao bì	633.713.130	1.037.745.474
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.822.143.963	5.038.766.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.963.162.685	17.422.930.750
Chi phí bán hàng khác	7.582.856.393	10.261.493.385
	43.817.865.356	48.184.381.413

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 1/7/2017 đến ngày 30/9/2017 VND	Từ ngày 1/7/2016 đến ngày 30/9/2016 VND
Chi phí nhân viên	365.940.000	487.920.000
Thuế, phí và lệ phí	16.079.225	64.538.353
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi		-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.092.211.824	1.645.540.394
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.038.526.363	4.102.513.288
	12.512.757.412	6.300.512.035

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 1/7/2017 đến ngày 30/9/2017 VND	Từ ngày 1/7/2016 đến ngày 30/9/2016 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán	516.166.569.697	452.815.072.319
Chi phí nhân viên	16.181.929.185	14.911.365.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.822.143.963	5.038.766.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.055.374.509	19.068.471.144
Chi phí khác	17.271.175.111	15.466.290.500

30. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 1/7/2017 đến ngày 30/9/2017 VND	Từ ngày 1/7/2016 đến ngày 30/9/2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	1.895.856.272	1.468.762.286

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ ngày 1/7/2017 đến ngày 30/9/2017 VND	Từ ngày 1/7/2016 đến ngày 30/9/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.479.281.362	7.343.811.432
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.895.856.272	1.468.762.286
	<u>1.895.856.272</u>	<u>1.468.762.286</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho	
	Từ ngày 1/7/2017 đến ngày 30/9/2017 VND	Từ ngày 1/7/2016 đến ngày 30/9/2016 VND
Các công ty liên quan khác		
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.453.912.605	636.590.429
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.281.295.998	3.350.285.821
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 – Pharbaco		
Bán hàng hóa và dịch vụ	225.000.000	924.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.300.914.000	2.001.431.705
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2		
Bán hàng hóa và dịch vụ		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	5.410.800
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.851.056.411	3.180.353.233
Mua hàng hóa và dịch vụ	10.800.000	469.514.329
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25		
Bán hàng hóa và dịch vụ		
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha		
Bán hàng hóa và dịch vụ	226.512.000	479.560.705
Mua hàng hóa và dịch vụ	366.249.040	109.650.050

Ngày 18 tháng 10 năm 2017

Người lập:


Ninh Thị Thu Hiền
Phó Phòng tài chính kế toán

Người duyệt:


Đặng Thị Dư
Trưởng Phòng tài chính kế toán


Nguyễn Doãn Liêm
Tổng Giám đốc

